

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: 33/2016/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 12 năm 2016*

**NGHỊ QUYẾT  
Về Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2017**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI  
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Xét Tờ trình số 169/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành nghị quyết về kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 và năm 2017 nguồn vốn ngân sách Trung ương và Tờ trình số 170/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành nghị quyết về kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 và năm 2017 nguồn vốn ngân sách tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển năm 2017**

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2017 của tỉnh là 3.178,075 tỷ đồng tỷ đồng; trong đó:

1. Vốn cân đối ngân sách địa phương là 2.395,33 tỷ đồng
  - a) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong nước là 1.765,33 tỷ đồng;
  - b) Vốn xổ số kiến thiết là 80 tỷ đồng;
  - c) Vốn quỹ đất (thu tiền sử dụng đất) là 550 tỷ đồng.
2. Vốn ngân sách Trung ương là 782,745 tỷ đồng
  - a) Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia là 359,612 tỷ đồng;
  - b) Vốn Chương trình mục tiêu là 334,54 tỷ đồng;
  - c) Vốn ODA là 88,593 tỷ đồng.

**Điều 2. Phương án phân bổ vốn cân đối ngân sách địa phương**

1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong nước
  - a) Bố trí trả nợ quyết toán là 20 tỷ đồng;
  - b) Bố trí đối ứng các dự án ODA là 40 tỷ đồng;
  - c) Phân cấp cho các huyện, thành phố theo quy định là 353 tỷ đồng;

- d) Bố trí chuẩn bị đầu tư là 20 tỷ đồng;
- e) Bố trí 8 dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2016, với kế hoạch vốn là 32,05 tỷ đồng.
- g) Bố trí thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư và tham gia dự án PPP là 70 tỷ đồng;
- h) Bố trí Chương trình xây dựng nông thôn mới là 120 tỷ đồng (trong đó có 25 tỷ đồng thực hiện Chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn);
- i) Bố trí thực hiện Chương trình ATK là 08 tỷ đồng (hỗ trợ mục tiêu cho huyện Ba Tơ);
- k) Bố trí 33 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2017, với kế hoạch vốn là 241,15 tỷ đồng;
- l) Bố trí 26 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2017, với kế hoạch vốn là 508,13 tỷ đồng;
- m) Còn lại bố trí khởi công mới là 353,0 tỷ đồng.

2. Vốn xỏ số kiến thiết: Kế hoạch là 80 tỷ đồng. Trong đó: tiếp tục thực hiện các dự án chuyển tiếp thuộc các lĩnh vực giáo dục, y tế, với kế hoạch vốn dự kiến là 70 tỷ đồng; phần còn lại 10 tỷ đồng bố trí khởi công mới 03 dự án thuộc lĩnh vực giáo dục.

3. Vốn khai thác quỹ đất (thu tiền sử dụng đất): Kế hoạch năm 2017 là 550 tỷ đồng. Trong đó: phần huyện thu và chi là 280 tỷ đồng; phần tỉnh quản lý là 270 tỷ đồng.

4. Phương án phân bổ chi tiết: từ Phụ lục 01 đến 06 kèm theo Nghị quyết này.

### **Điều 3. Phương án phân bổ vốn ngân sách Trung ương**

#### **1. Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia**

Thống nhất đăng ký kế hoạch Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2017 là 138,0 tỷ đồng và Chương trình giảm nghèo bền vững năm 2017 là 221,612 tỷ đồng.

2. Vốn Chương trình mục tiêu là 334,54 tỷ đồng: Thống nhất đăng ký danh mục cho 16 dự án chuyển tiếp theo hướng ưu tiên dự án đã hoàn thành năm 2016, dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2017, bố trí dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017 theo tiến độ; với tổng kế hoạch vốn của các dự án chuyển tiếp là 301,540 tỷ đồng. Phần còn lại đăng ký khởi công mới 03 dự án là: (1) Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi – Chợ Chùa; (2) Cơ sở hạ tầng Khu du lịch Mỹ Khê; (3) Đường Ba Tơ – Ba Trang – Ba Khâm (đoạn Ba Trang – Ba Khâm).

3. Vốn ODA là 88,593 tỷ đồng: Thống nhất đăng ký 01 dự án do tỉnh làm chủ quản là dự án Giảm nghèo khu vực Tây Nguyên.

4. Phương án phân bổ chi tiết: Thống nhất đăng ký danh mục theo Tờ trình số 169/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2016, Tờ trình số 170/TTr-UBND ngày 05

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh và ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, kết luận của Chủ tọa kỳ họp; sau khi Trung ương có quyết định giao vốn chính thức thì thực hiện theo đúng danh mục và mức vốn Trung ương bố trí, báo cáo lại Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh những thay đổi (nếu có). Đối với nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất cụ thể danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi quyết định giao vốn.

### **Điều 3. Các công trình trọng điểm năm 2017**

1. Hạ tầng đô thị thành phố Quảng Ngãi - hạ tầng giao thông.
2. Hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất và hạ tầng VSIP.

### **Điều 4. Một số nhiệm vụ, giải pháp chính**

1. Thực hiện nghiêm các nguyên tắc của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về phân bổ vốn đầu tư công. Từng bước thực hiện phân bổ vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước theo tín hiệu của thị trường.

2. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng; thúc đẩy thực hiện các cơ chế, chính sách tỉnh đã ban hành và đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài và các thành phần kinh tế đầu tư vào tỉnh.

3. Thực hiện biện pháp huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn huy động từ quỹ đất để xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

4. Ngoài nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư theo hình thức PPP để thu hút mạnh vốn vào phát triển kết cấu hạ tầng; đồng thời, thực hiện lồng ghép các chương trình mục tiêu và chương trình mục tiêu quốc gia trên từng địa bàn, ưu tiên vốn của các chương trình này cho các vùng khó khăn, vùng đồng bào các dân tộc, vùng căn cứ cách mạng.

5. Triệt để tiết kiệm chi tiêu thường xuyên để tăng vốn cho đầu tư phát triển. Tranh thủ nguồn vốn đầu tư của trung ương để tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Thực hiện tốt công tác quản lý đầu tư và xây dựng, nâng cao hiệu quả đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn vay vốn tín dụng nhà nước để đầu tư kiên cố hóa kênh mương, phát triển giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn.

6. Kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản; thường xuyên tổ chức trực báo, kịp thời giải quyết các vướng mắc, nhất là vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng nhằm phát huy hiệu quả, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

7. Các sở ngành liên quan rà soát danh mục và tranh thủ các Bộ ngành trung ương để được bổ sung vốn trong năm thuộc các nguồn vốn trung ương quản lý như vốn Trái phiếu Chính phủ, vốn ODA, vốn trung ương đầu tư qua các Bộ ngành.

8. Khẩn trương kiện toàn, rà soát và ổn định tổ chức các Ban quản lý dự án ở cấp huyện và Ban quản lý dự án ở cấp tỉnh; tăng cường vai trò trách nhiệm của các chủ đầu tư trong thực hiện quản lý các dự án đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước.

9. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện và tuân thủ các quy định đối với các dự án đầu tư nguồn vốn ngân sách, nâng cao chất lượng giám sát, đánh giá đầu tư. Thực hiện tốt quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền thực hiện quản lý quy hoạch và quản lý dự án đầu tư trên địa bàn; kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc của các chủ đầu tư trong quản lý chi phí xây dựng công trình.

10. Nghiên cứu đổi mới xây dựng kế hoạch đầu tư công, danh mục đầu tư công năm 2018 theo hướng sớm về thời gian, có kiểm tra thực tế, nắm chắc tính cần thiết, hiệu quả của từng dự án để có cơ sở xác lập danh mục.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết về nhiệm vụ kế hoạch đầu tư phát triển năm 2017 đảm bảo đúng quy định và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư phát triển. Định kỳ 6 tháng báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

#### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 12 năm 2016./.

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Thị Quỳnh Vân**

**Phụ lục tổng hợp**  
**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016  
của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)*

**Đơn vị: Triệu đồng**

TT	NGUỒN VỐN	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>3.178.075</b>	
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>782.745</b>	
1	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia	359.612	UBND tỉnh thống nhất với TT HĐND tỉnh trước khi phân bổ
2	Vốn Chương trình mục tiêu	334.540	Giao theo Quyết định của Trung ương
3	Vốn ODA	88.593	Giao theo Quyết định của Trung ương
<b>II</b>	<b>VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>2.395.330</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn đầu tư XDCB trong nước và XSKT</b>	<b>1.845.330</b>	
1	Phân cấp cho các huyện thành phố	353.000	Phụ lục 1
2	Bố trí trả nợ quyết toán	20.000	UBND tỉnh thống nhất với TT HĐND tỉnh trước khi phân bổ
3	Đối ứng các dự án ODA	40.000	Phụ lục 2
4	Chuẩn bị đầu tư	20.000	UBND tỉnh thống nhất với TT HĐND tỉnh trước khi phân bổ
5	Bố trí các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2016	32.050	Phụ lục 3 (I)
6	Bố trí thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư và tham gia dự án PPP	70.000	UBND tỉnh thống nhất với TT HĐND tỉnh trước khi phân bổ
7	Chương trình xây dựng nông thôn mới	120.000	UBND tỉnh thống nhất với TT HĐND tỉnh trước khi phân bổ
	- <i>Bố trí thực hiện Chương trình Nước sạch VSMTNT (ưu tiên bố trí cho các địa phương thực hiện chương trình NTM)</i>	25.000	Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư
	- <i>Bố trí thực hiện chương trình Nông thôn mới</i>	95.000	
8	Bố trí thực hiện chương trình ATK	8.000	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Ba Tơ
9	Bố trí các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2017	311.150	
	+ <i>Dự án bố trí từ nguồn cân đối ngân sách tỉnh</i>	241.150	Phụ lục 3 (II)
	+ <i>Dự án bố trí từ nguồn XSKT</i>	70.000	Phụ lục 5 (I)
10	Bố trí các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2017	508.130	Phụ lục 3
11	Bố trí các dự án khởi công mới năm 2017		

		363.000	
	+ Dự án bố trí từ nguồn cân đối ngân sách tỉnh	353.000	Phụ lục 4
	+ Dự án bố trí từ nguồn XSKT	10.000	Phụ lục 5 (II)
<b>2</b>	<b>Vốn quỹ đất (thu tiền sử dụng đất)</b>	<b>550.000</b>	Phụ lục 6
1	Các dự án tỉnh quản lý	210.000	Phụ lục 6 (I)
2	Bố trí thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền SDD	60.000	
3	Giao huyện, thành phố thu - chi	280.000	Phụ lục 6 (II)

Ghi chú: Trung ương giao: 2.285,330 tỷ đồng, gồm vốn đầu tư XD CB trong nước 1.765,330 tỷ đồng, vốn XSKT 70 tỷ đồng, thu tiền sử dụng đất 450 tỷ đồng. Tỉnh giao tăng 110 tỷ đồng, gồm XSKT tăng 10 tỷ đồng, thu tiền sử dụng đất tăng 100 tỷ đồng

**Phụ lục 1****KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017****PHÂN CẤP VỐN CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**

**Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương (đầu tư XD CB vốn trong nước)**

*(Kèm theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>TT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Kế hoạch năm 2017</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>353.000</b>	
1	UBND huyện Bình Sơn	29.266	
2	UBND huyện Sơn Tịnh	19.417	
3	UBND thành phố Quảng Ngãi	94.706	
4	UBND huyện Tư Nghĩa	23.738	
5	UBND huyện Mộ Đức	24.545	
6	UBND huyện Đức Phổ	26.450	
7	UBND huyện Nghĩa Hành	18.226	
8	UBND huyện Minh Long	9.613	
9	UBND huyện Ba Tơ	26.516	
10	UBND huyện Sơn Hà	26.468	
11	UBND huyện Sơn Tây	14.677	
12	UBND huyện Trà Bồng	14.857	
13	UBND huyện Tây Trà	13.891	
14	UBND huyện Lý Sơn	10.630	

Ghi chú: Các huyện, thành phố phải bố trí tối thiểu 30% cho xây dựng nông thôn mới; 20% cho Giáo dục - Đào tạo.

**Phụ lục 2**  
**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017**  
**VỐN ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ**  
**Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương (đầu tư XDCB vốn trong nước)**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao Kế hoạch	Địa điểm thực hiện	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2016			Kế hoạch vốn năm 2017 (vốn đối ứng)	Ghi chú	
						Số quyết định	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó				
							Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)			
	<b>TỔNG SỐ</b>						<b>1.674.922</b>	<b>270.079</b>	<b>1.404.843</b>	<b>458.439</b>	<b>83.195</b>	<b>375.244</b>	<b>40.000</b>	-
<b>I</b>	<b>NGÀNH NÔNG NGHIỆP, GIẢM NGHÈO</b>						<b>1.191.105</b>	<b>131.390</b>	<b>1.059.715</b>	<b>224.347</b>	<b>29.917</b>	<b>194.430</b>	<b>18.070</b>	-
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017						<b>1.191.105</b>	<b>131.390</b>	<b>1.059.715</b>	<b>224.347</b>	<b>29.917</b>	<b>194.430</b>	<b>18.070</b>	-

CÔNG BÁO/Số 23+24/N ngày 27-12-2016



1	Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Ba Tơ, Tây Trà, Sơn Hà, Sơn Tây	Trồng mới 2.800 ha; Bảo vệ 3.200 ha; Khoanh nuôi 3.300 ha; 80 km đường	2012-2021	1417/QĐ-UBND ngày 26/9/2012; 2121/QĐ-UBND ngày 17/12/2014	289.600	42.756	246.844	133.598	10.366	123.232	1.600	-
2	Giảm nghèo bền vững khu vực Tây Nguyên - tỉnh Quảng Ngãi	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sơn Hà, Sơn Tây, Ba Tơ	Phát triển CSHT cấp xã, thôn, bản; Phát triển sinh kế bền vững; Nâng cao năng lực	2014-2018	1534/QĐ-UBND ngày 23/10/2013; 2012/QĐ-UBND ngày 15/12/2014	337.818	18.477	319.341	79.638	9.440	70.198	5.000	-
3	Dự án Quản lý thiên tai (WB5)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Mộ Đức, Đức Phổ		2013-2018		225.962	52.382	173.580	7.761	6.761	1.000	5.700	-
	<i>Trong đó:</i>													-

3.1	TDA Cảng neo trú tàu thuyền và cửa biển Mỹ Á (giai đoạn II)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Đức Phổ	Kè dài thêm 565m đê và nhiều hạng mục khác	2013-2017	2200/QĐ-UBND ngày 31/12/2013; 2037/QĐ-UBND ngày 17/12/2014	185.132	48.299	136.833	5.761	5.761	-	4.500	
3.2	TDA Hợp phần 3 "Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng"	Sở Nông nghiệp và PTNT	10 xã thuộc 3 huyện Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành	Xây dựng 10 công trình quy mô nhỏ, đào tạo, tập huấn	2015-2018	2021/QĐ-UBND ngày 11/11/2015	40.830	4.083	36.747	2.000	1.000	1.000	1.200	-
4	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Đức Phổ	Nâng cấp, sửa chữa 20 hồ chứa nước xuống cấp	2016-2022	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015	337.725	17.775	319.950	3.350	3.350	0	5.770	-
	<i>Trong đó:</i>													-
4.1	TDA Sửa chữa, nâng cấp bảo	Sở Nông nghiệp	Huyện Nghĩa Hành	146,5m	2016-2017	546/QĐ-UBND ngày	29.139	8.641	20.498	3.350	3.350	0	3.500	-

	đảm an toàn hồ chứa nước Đập Làng	và PTNT				04/4/2016								
<b>II</b>	<b>NGÀNH Y TẾ</b>						<b>119.130</b>	<b>31.297</b>	<b>87.833</b>	<b>13.500</b>	<b>1.500</b>	<b>12.000</b>	<b>4.830</b>	-
	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2017</b>						<b>29.199</b>	<b>4.593</b>	<b>24.606</b>	<b>13.000</b>	<b>1.000</b>	<b>12.000</b>	<b>1.200</b>	-
1	Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	BQL xây dựng các công trình dân dụng và CN	BVĐK tỉnh	800 m3/ ngày đêm	2016-2017	1967/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	29.199	4.593	24.606	13.000	1.000	12.000	1.200	-
	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017</b>						<b>89.931</b>	<b>26.704</b>	<b>63.227</b>	<b>500</b>	<b>500</b>	<b>0</b>	<b>3.500</b>	-
1	Hỗ trợ đầu tư khu xử lý chất thải y tế nguy hại tập trung tỉnh Quảng Ngãi	BQL xây dựng các công trình dân dụng và CN	Xã Hành Dũng	800 kg rác/ ngày	2016-2018	1592/QĐ-UBND ngày 31/8/2016	89.931	26.704	63.227	500	500	0	3.500	-

	<b>Các dự án khởi công mới năm 2017</b>						0	0	0	0	0	0	130	-
1	Dự án An ninh y tế khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng	Sở Y tế	Các huyện TP	Hệ thống năng lực xét nghiệm nhiễm khuẩn; nâng cao năng lực	2016-2021	692/QĐ-TTg ngày 27/4/2016	0	-	-	0	-	-	130	5725/UBND-KGVX ngày 12/10/2016 của UBND tỉnh
<b>III</b>	<b>NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>						<b>158.707</b>	<b>50.445</b>	<b>108.262</b>	<b>116.396</b>	<b>31.839</b>	<b>84.557</b>	<b>8.600</b>	-
	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017</b>						<b>158.707</b>	<b>50.445</b>	<b>108.262</b>	<b>116.396</b>	<b>31.839</b>	<b>84.557</b>	<b>8.600</b>	-
1	Giáo dục trung học khó khăn nhất (giai đoạn 2)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức	6 trường THCS	2015-2018	960/QĐ-UBND ngày 12/6/2015	28.600	6.600	22.000	1.513	500	1.013	1.000	-

2	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam-Hàn Quốc	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	1.000-1.200 SV/năm	2008-2018	2031/QĐ-UBND ngày 14/9/2007; 965/QĐ-UBND ngày 12/6/2015; 1896/QĐ-UBND ngày 13/10/2016	130.107	43.845	86.262	114.883	31.339	83.544	7.600	-
<b>IV</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH</b>						<b>205.980</b>	<b>56.947</b>	<b>149.033</b>	<b>104.196</b>	<b>19.939</b>	<b>84.257</b>	<b>3.500</b>	-
	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2017</b>						<b>184.903</b>	<b>54.903</b>	<b>130.000</b>	<b>92.939</b>	<b>19.939</b>	<b>73.000</b>	<b>3.500</b>	-
1	Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng	Sở Tài nguyên và Môi trường	TP Quảng Ngãi	Xây dựng mới tuyến đê, kè với chiều dài 3.574,8m	2015-2017	1370/QĐ-UBND ngày 13/8/2015	184.903	54.903	130.000	92.939	19.939	73.000	3.500	-

	khu vực xã Tịnh Kỳ và phía Đông huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi													
	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017</b>						<b>21.077</b>	<b>2.044</b>	<b>19.033</b>	<b>11.257</b>	<b>0</b>	<b>11.257</b>	<b>0</b>	-
1	Trồng rừng ngập mặn ven biển các xã Bình Phước, Bình Đông, Bình Dương huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các xã: Bình Phước, Bình Đông, Bình Trị, huyện Bình Sơn	107,448 ha	2015-2019	1369/QĐ-UBND ngày 12/8/2015	21.077	2.044	19.033	11.257	-	11.257	0	-
<b>V</b>	<b>Dự phòng trả nợ công trình hoàn thành và các dự án khác</b>												<b>5.000</b>	-

	<i>Trong đó:</i>													
1	Dự án Hỗ trợ Y tế Duyên hải Nam Trung Bộ	Sở Y tế												Trả nợ quyết toán

1106

CÔNG BÁO/Số 23+24/Ngày 27-12-2016

**Phụ lục 3**  
**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 2017**  
**CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP**

**Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương (đầu tư XDCB vốn trong nước)**

*(Kèm theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến 2016	Kế hoạch 2017	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó				
								NSTW	NSDP (NS tỉnh)			
	<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>6.587.359</b>	<b>1.660.000</b>	<b>3.709.014</b>	<b>1.491.417</b>	<b>781.330</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2016</b>						<b>318.634</b>	<b>0</b>	<b>318.634</b>	<b>233.691</b>	<b>32.050</b>	
	<b>Ngành Giáo dục</b>						<b>21.309</b>	<b>-</b>	<b>21.309</b>	<b>16.300</b>	<b>3.050</b>	
1	Trường THPT số 1 Nghĩa Hành - Nhà thi đấu đa chức năng	BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Nghĩa Hành	1.390 m2 sàn	2015-2017	1597/QĐ-UBND, 30/10/2014	7.969		7.969	7.100	500	
2	Trường THPT Nguyễn Công Phương - Mở rộng diện tích đất, xây dựng nhà đa năng	BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Nghĩa Hành	819 m2 sàn	2015-2017	91/QĐ-SKHĐT, 30/10/2014	6.625		6.625	4.100	1.800	



3	Trường THPT Thu Xà - Xây dựng nhà đa chức năng	BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Tur Nghĩa	851 m2 sàn	2015-2017	90/QĐ-SKHĐT, 30/10/2014	6.715		6.715	5.100	750	
	<b>Ngành Thương mại, dịch vụ</b>						<b>156.909</b>	<b>0</b>	<b>156.909</b>	<b>105.700</b>	<b>16.000</b>	
4	Xây dựng chợ Quảng Ngãi	UBND TP Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	99 kiot và 844 lô sạp	2014-2019	1609/QĐ-UBND, 30/10/2014	156.909		156.909	105.700	16.000	
	<b>Ngành Công nghiệp</b>						<b>40.000</b>	<b>0</b>	<b>40.000</b>	<b>27.000</b>	<b>11.000</b>	
5	Gia cố nền trên phần diện tích còn lại tại mặt bằng giai đoạn 2 của Nhà máy Doosan	BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh	Bình Sơn	19,53 ha	2015-2016	2231/QĐ-UBND, 31/12/2014	40.000		40.000	27.000	11.000	
	<b>Ngành Quản lý nhà nước</b>						<b>35.601</b>	<b>0</b>	<b>35.601</b>	<b>31.291</b>	<b>2.000</b>	
6	Nhà làm việc Huyện ủy Mộ Đức	Huyện ủy Mộ Đức	Mộ Đức	NLV dt sàn 1.800m2; hội trường 350chỗ..	2014-2017	1382/QĐ-UBND, 20/9/2012	35.601		35.601	31.291	2.000	
	<b>Ngành Quốc phòng - An ninh</b>						<b>64.815</b>	<b>0</b>	<b>64.815</b>	<b>53.400</b>	<b>0</b>	

7	Nhà làm việc Công an 76 xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự thuộc đề án Xây dựng củng cố Công an xã, thị trấn (nơi không bố trí Công an chính quy) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Công an tỉnh	các huyện/thành phố	76 nhà làm việc	2014-2016	1579/QĐ-UBND ngày 30/10/2013; 733/QĐ-UBND ngày 19/5/2015	60.247		60.247	50.400		đã đủ vốn để hoàn thành dự án
8	Trụ sở làm việc CA phường Trần Hưng Đạo	Công an tỉnh	TP. Quảng Ngãi	650m2	2016-2017	92/QĐ-SKHĐT, 30/10/2014; 1701/SXD, 30/10/2015	4.568		4.568	3.000		đã đủ vốn để hoàn thành dự án
<b>II</b>	<b><i>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2017</i></b>						<b>1.798.458</b>	<b>737.600</b>	<b>1.042.858</b>	<b>608.125</b>	<b>241.150</b>	
	<b>Ngành Giao thông</b>						<b>424.016</b>	<b>191.000</b>	<b>233.016</b>	<b>131.400</b>	<b>72.500</b>	
9	Đường Nghĩa Hòa-Nghĩa Thương giai đoạn 1	UBND huyện Tư Nghĩa	Tư Nghĩa	1.207m	2015-2017	1588/QĐ-UBND, 28/10/2011	40.000		40.000	24.000	11.000	
10	Hỗ trợ tuyến đường TTX Long Môn đi vào khu căn cứ địa cách mạng núi Mun huyện Minh Long	UBND huyện Minh Long	Minh Long	4,922m	2015-2017	1530/QĐ-UBND, 30/5/2015	29.997		29.997	23.000	4.000	
11	Cầu Hóc Nhiêu và đường hai đầu cầu	UBND huyện Minh Long	Minh Long	Cầu 45m, đường 397m	2016-2017	1967k/QĐ-UBND, 31/10/2015	14.805		14.805	8.000	5.000	

12	Các tuyến đường nội bộ Trung tâm huyện lỵ Minh Long	UBND huyện Minh Long	Minh Long	894,65m	2016-2017	412/QĐ-UBND 17/3/2016	29.000		29.000	5.200	19.000	
13	Đường Nghĩa trang liệt sỹ - Nước Rạc	UBND huyện Sơn Hà	Sơn Hà	472m	2015-2017	1434/QĐ-UBND, 30/9/2011	44.484		44.484	35.000	4.500	
14	Đường Trung tâm huyện Sơn Tây	UBND huyện Sơn Tây	Sơn Tây	L=945,85m	2015-2017	1604/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	67.079	32.079	35.000	23.200	8.000	Đổi ứng CT Phát triển vùng
15	Nâng cấp tuyến đường Cồn An Vĩnh-Ra đa tầm xa huyện Lý Sơn	UBND huyện Lý Sơn	Lý Sơn	7.063,27 m	2015-2019	1606/QĐ-UBND 30/10/2014	148.752	119.002	29.750	7.000	18.000	Đổi ứng CT Phát triển vùng
16	Đường trung tâm huyện – UBND xã An Hải	UBND huyện Lý Sơn	Lý Sơn	2.037,0 m	2015-2016	1607/QĐ-UBND 30/10/2014	49.899	39.919	9.980	6.000	3.000	Đổi ứng CT Phát triển vùng
	<b>Ngành Nông nghiệp</b>						<b>492.823</b>	<b>270.400</b>	<b>222.423</b>	<b>136.933</b>	<b>53.150</b>	
17	Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Cây Búa	BQL dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh	Sơn Tịnh	Tuyến kênh chính 1.559,77 m	2015-2017	1060/QĐ-UBND, 26/6/2015	15.361		15.361	10.150	2.150	
18	Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoa	Cty TNHH MTV KTCTTL	Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành	100ha	2011-2015	527/QĐ-UBND, 31/3/2009	338.000	270.400	67.600	54.000	5.000	đổi ứng chương trình Phát triển vùng
19	Tiêu úng, thoát lũ khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi gđ1	BQL dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT	Sơn Tịnh	Chiều dài kè 2.563 m	2015-2018	462/QĐ-UBND, 06/4/2015	48.995		48.995	25.560	17.000	

		tỉnh										
20	Hồ chứa nước Hố Sỏ	UBND huyện Nghĩa Hành	Nghĩa Hành		2014-2016	1342/QĐ-UBND, 19/9/2014	18.502		18.502	9.394	7.000	
21	Nâng cấp Đập Đồng Thét	UBND huyện Nghĩa Hành	Nghĩa Hành	cụm đầu mối	2015-2017	252/QĐ-UBND ngày 09/11/2015	25.000		25.000	19.829	3.000	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện
22	Đầu tư khẩn cấp khu TĐC Gò Thần	Sở NN&PTNT	Tur Nghĩa	Khu TDC cho 38 hộ dân	2016-2017		14.000		14.000	6.000	6.000	
23	Hỗ trợ đầu tư khẩn cấp công trình Cầu Làng Ren huyện Minh Long	UBND huyện Minh Long	Minh Long	45m	2016-2017	2043/QĐ-UBND ngày 07/12/2016	16.965		16.965	6.000	6.000	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện
24	Hỗ trợ đầu tư khẩn cấp công trình kè chống sạt lở bờ nam sông Trà Bồng, đoạn qua KDC thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng	UBND huyện Trà Bồng	Trà Bồng	50 hộ	2016-2017		16.000		16.000	6.000	7.000	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện
	<b>Ngành Giáo dục</b>						<b>93.880</b>	-	<b>75.880</b>	<b>43.300</b>	<b>25.000</b>	
25	Ký túc xá trường THPT chuyên Lê Khiết (giai đoạn 1)	BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	TP. Quảng Ngãi	2.231 m2 sàn	2015-2017	1530/QĐ-UBND, 21/10/2014	19.553		19.553	11.250	4.000	

26	Trường THPT Chu Văn An, hạng mục Mở rộng diện tích đất, xây dựng nhà đa năng	BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Tư Nghĩa	1.400 m2 sàn	2015-2017	1556/QĐ-UBND, 23/10/2014	12.000		12.000	7.950	3.000	
27	Trường THPT Lê Quý Đôn - Mở rộng diện tích, xây dựng nhà thi đấu đa năng	BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Bình Sơn	1.392 m2 sàn	2015-2017	1598/QĐ-UBND, 30/10/2014	11.418		11.418	7.600	2.500	
28	Trường THPT Bình Sơn - nhà lớp học và phòng bộ môn	BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Bình Sơn	1.530 m2 sàn	2016-2017	22/QĐ-UBND, 12/01/16	7.985		7.985	4.000	3.500	
29	Trường THPT Minh Long - Nhà hiệu bộ	BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Minh Long	711 m2 sàn	2016	1713/QĐ-SXD, 30/10/2015	4.924		4.924	2.500	2.000	
30	Trường THCS Đinh Thanh Kháng	UBND huyện Sơn Tây	Sơn Tây	DT xây dựng 4.357 m2	2016-2018	1636/QĐ-UBND, 29/10/2015	38.000		20.000	10.000	10.000	Hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện 20 tỷ, phần còn lại NS huyện tự cân đối
	<b>Ngành Y tế</b>						<b>497.000</b>	<b>248.500</b>	<b>248.500</b>	<b>125.800</b>	<b>25.000</b>	
31	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi	BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	TP. Quảng Ngãi	300 giường	2014-2018	1611/QĐ-UBND, 25/10/2012	497.000	248.500	248.500	125.800	25.000	

		tỉnh										
	<b>Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>						<b>83.298</b>	<b>27.700</b>	<b>55.598</b>	<b>46.562</b>	<b>3.500</b>	
32	Đường bờ Đông sông Kinh Giang (nổi dài) thuộc hạ tầng KDL Mỹ Khê	BQL dự án ĐT XD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	TP. Quảng Ngãi	3504m	2012- 2017	1621/QĐ- UBND, 16/11/2010	83.298	27.700	55.598	46.562	3.500	
	<b>Ngành Công nghiệp</b>						<b>95.064</b>	<b>0</b>	<b>95.064</b>	<b>60.710</b>	<b>23.000</b>	
33	Nghĩa địa Bình Đông	BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh	Bình Sơn	Diện tích 3,36 ha	2016- 2018	1964/QĐ- UBND ngày 24/10/2016	14.291		14.291	3.500	8.500	
34	Chỉnh trang mặt tiền KCN Tịnh Phong (hạng mục Nâng cấp tuyến đường số 7 kết nối vào đường gom KCN VSIP)	Công ty TNHH MTV ĐT XD và KDDV Quảng Ngãi (QISC)	Sơn Tịnh	1,547km	2014- 2016	1576/QĐ- UBND, 30/10/2013	44.233		44.233	33.950	5.000	
35	Đường số 3 KCN Tịnh Phong	Công ty TNHH MTV ĐT XD và KDDV Quảng Ngãi (QISC)	Sơn Tịnh	894m	2016- 2019	1187/QĐ- UBND ngày 21/7/2015	36.540		36.540	23.260	9.500	
	<b>Ngành Thông tin và Truyền thông</b>						<b>19.754</b>	<b>0</b>	<b>19.754</b>	<b>7.000</b>	<b>10.000</b>	

36	Xây dựng trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi (Datacenter)	Sở Thông tin và Truyền thông	TP. Quảng Ngãi	Trung tâm tích hợp dữ liệu; hệ thống thiết bị CNTT	2016-2018	1568/QĐ-UBND, 28/10/2014	19.754		19.754	7.000	10.000	
	<b>Ngành Công cộng</b>						<b>16.094</b>	<b>0</b>	<b>16.094</b>	<b>5.600</b>	<b>8.000</b>	
37	Thoát nước CSHT ngoài hàng rào bệnh viện ĐK Quảng Ngãi giai đoạn 2	BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	TP. Quảng Ngãi	990m	2016-2018	43/QĐ-UBND ngày 13/01/2016	16.094		16.094	5.600	8.000	
	<b>Ngành Quản lý nhà nước</b>						<b>9.270</b>	<b>0</b>	<b>9.270</b>	<b>3.700</b>	<b>4.500</b>	
38	Nhà làm việc Tỉnh ủy Quảng Ngãi (Nhà làm việc các ban Đảng, phòng ở mục tiêu, gara ô tô)	VP Tỉnh ủy	TP. Quảng Ngãi	1.090m <sup>2</sup>	2016-2018	1966d/QĐ-UBND, 30/10/2015	9.270	-	9.270	3.700	4.500	
	<b>Ngành Quốc phòng - An ninh</b>						<b>67.260</b>	<b>0</b>	<b>67.260</b>	<b>47.120</b>	<b>16.500</b>	
39	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn và tiểu đội dân quân thường trực các xã trọng điểm (7 xã: Bình Thuận, Nghĩa An, Ba Động,	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Các huyện	26 xã trọng điểm	2014-2016	1440/QĐ-UBND ngày 02/10/2013; 233/QĐ-UBND ngày 25/02/2014	32.150		32.150	27.420	3.500	

	Trà Nham, Long Môn, Sơn Mậu, thị trấn Mộ Đức)											
40	Rừng phòng hộ cảnh quan môi trường Lý Sơn	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Lý Sơn	Trồng 107,28 ha rừng	2011-2017	966/QĐ-UBND, 8/7/2011	20.110		20.110	14.700	4.000	
41	Ban chỉ huy quân sự huyện Sơn Tịnh (mới) - phần bồi thường GPMB	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Sơn Tịnh	Bồi thường, GPMB 3,11 ha	2016-2019	1809/QĐ-BQP ngày 21/5/2015	15.000		15.000	5.000	9.000	Bồi thường, GPMB
<b>III</b>	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2017</b>						<b>4.470.268</b>	<b>922.401</b>	<b>2.347.522</b>	<b>649.601</b>	<b>508.130</b>	
	<b>Ngành công nghiệp</b>						<b>1.113.277</b>	<b>0</b>	<b>40.000</b>	<b>0</b>	<b>10.000</b>	
42	Đường Trì Bình - Cảng Dung Quất (giai đoạn 1)	BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh	Bình Sơn	6,257km	2014-2018	648/QĐ-UBND 29/4/2014	1.113.277		40.000		10.000	Phần còn thiếu thực hiện từ nguồn vượt thu, thưởng vượt thu, tăng thu để lại làm lương chi ĐTPT hoặc các nguồn vốn khác khi có điều kiện



	<b>Ngành Giao thông</b>						<b>1.573.238</b>	<b>150.000</b>	<b>1.340.054</b>	<b>304.400</b>	<b>333.000</b>	
43	Đường Nguyễn Công Phương (giai đoạn 2), thành phố Quảng Ngãi	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh	TP. Quảng Ngãi	L=1.270,57	2015-2019	1579/QĐ-UBND ngày 28/10/2011; 647/QĐ-UBND ngày 11/5/2015	93.841		93.841	39.250	40.000	
44	Đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện vùng Tây Quảng Ngãi (đoạn km0-km22+336)	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh	Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà	Đường cấp VI miền núi; 22,336km	2016-2017		150.000		150.000	32.000	20.000	
45	Cảng Bến Đình	Sở GTVT	Lý Sơn	Tàu 2000DWT	2016-2020	495/QĐ-UBND, 31/3/2016	200.000	130.000	70.000	32.150	33.000	
46	Cầu Thạch Bích	UBND TP Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	cầu 875,65m; đường dẫn 1.549,07m	2016-2020	323/QĐ-UBND 03/3/2016	643.184		560.000	50.000	100.000	Phần vốn còn thiếu để hoàn thành dự án bố trí từ ngân sách thành phố QN
47	Đường trục chính trung tâm Nam - Bắc thị trấn Sơn Tịnh (mới)	UBND huyện Sơn Tịnh	Sơn Tịnh	Chiều dài đường 1.473,08 m	2014-2018	1602/QĐ-UBND, 30/10/2014	193.862	20.000	173.862	85.000	35.000	
48	Tuyến đường Chợ Lâm Thượng-Biến Đạm Thủy Nam	UBND huyện Mộ Đức	Mộ Đức	3,63 km	2017-2018		35.000		35.000	11.000	15.000	Đã bố trí từ nguồn vượt thu 11 tỷ đồng; bổ sung hỗ trợ có mục tiêu cho huyện hoàn thành tuyến đường

49	Đường Tránh lũ Hành Tín Đông - Hành Thiện - Hành Thịnh	UBND huyện Nghĩa Hành	Nghĩa Hành	11,5 km	2016-2018	1432/QĐ-UBND ngày 08/8/2016	44.999		44.999	7.500	15.000	
50	Đường cứu hộ cứu nạn Ba Tư - Ba Trang (giai đoạn 1)	UBND huyện Ba Tư	Ba Tư	20,227km	2016-2018	596/QĐ-UBND, 19/4/2012	70.000		70.000	19.000	25.000	
51	Đường Sơn Tinh - Sơn Thượng	UBND huyện Sơn Tây	Sơn Tây	3km	2016-2018	1966e/QĐ-UBND, 30/10/2015	42.000		42.000	10.000	15.000	
52	Kiên cố hóa đường Trà Lành đi UBND xã Trà Thọ	UBND huyện Tây Trà	Tây Trà	3,044km	2016-2018	1968k/QĐ-UBND, 31/10/2015	20.952		20.952	7.000	6.000	
53	Đường ĐH 72 (đoạn Sơn cao - Sơn Kỳ)	UBND huyện Sơn Hà	Sơn Hà	8,7km	2016-2018	2152/QĐ-UBND ngày 08/7/2016	39.400		39.400	7.000	15.000	
54	Đường Trà Búi - Núi Cà Đăm	UBND huyện Trà Bồng	Trà Bồng	Đường cấp Iv, chiều dài 14.935 m	2016-2018	1433/QĐ-UBND ngày 8/8/2016	40.000		40.000	4.500	14.000	
	<b>Ngành Nông nghiệp</b>						<b>95.000</b>	<b>-</b>	<b>95.000</b>	<b>28.500</b>	<b>24.630</b>	
55	Bố trí thực hiện chương trình bảo vệ và phát triển rừng	Sở NN&PTNT	Toàn tỉnh		2016-2020		50.000		50.000	10.000	10.000	
56	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi sông Giang, huyện Sơn Tịnh	BQL ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh	Sơn Tịnh	4000m; 900ha	2016-2017	2032/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	15.000		15.000	3.500	6.000	Tổng mức đầu tư của dự án thực hiện theo QĐ 2032/QĐ-UBND ngày 26/10/2016

57	Chống ngập úng Khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi đoạn qua kênh B10 và khu vực lân cận	Cty TNHH MTV KTCTTL	Sơn Tịnh	Nâng cấp 2km, xd mới 2,4km kênh tiêu	2016-2018	2029/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	30.000		30.000	15.000	8.630	
	<b>Ngành Giáo dục</b>						<b>70.333</b>	-	<b>43.333</b>	<b>11.250</b>	<b>15.500</b>	
58	Trường THPT Lê Trung Đình - Đền bù GPMB; xây dựng 12 phòng học, hội trường (giai đoạn 2)	BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	TP. Quảng Ngãi	2.001 m2 sàn	2016-2018	21/QĐ-UBND, 12/01/2016	25.333		25.333	6.250	9.500	
59	Trường Phó Mục Gia	UBND huyện Trà Bồng	Trà Bồng	nhiều hạng mục trên diện tích đất 28.749m2	2016-2019	1967m/QĐ-UBND, 31/10/2015	45.000		18.000	5.000	6.000	Đề nghị huyện sử dụng vốn 30a 60%, NS tỉnh BS thêm 40%
	<b>Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>						<b>261.622</b>	<b>87.264</b>	<b>174.358</b>	<b>84.951</b>	<b>42.000</b>	
60	Xây dựng Nhà luyện tập thi đấu đa năng tỉnh	BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	TP Quảng Ngãi	9.440m2	2015-2019	1668/QĐ-UBND 25/9/2015	55.274		55.274	23.000	15.000	
61	Đường trục chính Khu du lịch Sa Huỳnh (nổi dài)	BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Đức Phổ	4,2 km	2013-2018	1604/QĐ-UBND 30/10/2011; 1721/QĐ-UBND, 8/11/2012	117.147	37.256	79.891	41.451	20.000	Đổi ứng chương trình Hạ tầng du lịch

62	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Quảng Ngãi	Tỉnh đoàn	TP. Quảng Ngãi	Nhà 1.889m2 và nhiều hạng mục khác	2013-2018	3617a-QĐ/TWĐTN 22/10/2012	89.201	50.008	39.193	20.500	7.000	
	<b>Ngành công nghiệp</b>						<b>806.043</b>	<b>685.137</b>	<b>120.906</b>	<b>5.000</b>	<b>2.000</b>	
63	Dự án Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2020 (giai đoạn 1)	Sở Công thương	Toàn tỉnh	Đường dây 22kv dài 201,511 km; trạm biếp áp	2016-2020	896/QĐ-UBND ngày 20/6/2014	806.043	685.137	120.906	5.000	2.000	
	<b>Ngành Công cộng</b>						<b>352.740</b>	<b>0</b>	<b>335.856</b>	<b>130.000</b>	<b>34.000</b>	
64	Nghĩa địa thành phố (giai đoạn 2)	UBND TP Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	9,31 ha	2016-2020	2363/QĐ-UBND, 30/12/2015	56.281		39.397	15.000	14.000	NS tỉnh 80%
65	Khu dân cư phục vụ tái định cư Khu II Đê bao, thành phố Quảng Ngãi	UBND TP Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	6,37 ha	2017-2020	1964a/QĐ-UBND, 30/10/2015	296.459		296.459	115.000	20.000	
	<b>Ngành Quản lý nhà nước</b>						<b>173.015</b>	<b>0</b>	<b>173.015</b>	<b>75.000</b>	<b>40.000</b>	
66	Trung tâm chính trị - hành chính huyện Sơn Tịnh (mới)	UBND huyện Sơn Tịnh	Sơn Tịnh	5 ha	2014-2018	1612/QĐ-UBND, 30/10/2014	173.015		173.015	75.000	40.000	
	<b>Ngành Quốc phòng - An ninh</b>						<b>25.000</b>	<b>0</b>	<b>25.000</b>	<b>10.500</b>	<b>7.000</b>	
67	Trụ sở làm việc phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy số 01, 03 và số 05	Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi, Sơn Tịnh, Đức Phổ		2016-2018		25.000		25.000	10.500	7.000	

**Ghi chú:** Bố trí kế hoạch vốn bằng 90% tổng mức đầu tư được duyệt theo hướng dẫn tại Công văn số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

**Phụ lục 4**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017**  
**DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI**

**Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương (đầu tư XDCB vốn trong nước)**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến			Dự kiến KH 2016-2020	Kế hoạch năm 2016 đã giao	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó					
							NSTW	NSDP				
	<b>Tổng cộng</b>					<b>4.499.392</b>	<b>2.153.559</b>	<b>1.401.500</b>	<b>1.239.000</b>	<b>6.550</b>	<b>353.000</b>	
	<b>Ngành Công nghiệp</b>					<b>66.653</b>	<b>0</b>	<b>66.653</b>	<b>57.000</b>	<b>200</b>	<b>9.000</b>	
1	Mặt đường, vỉa hè, điện chiếu sáng, cấp thoát nước đường số 8 KCN Tịnh Phong	BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh	Sơn Tịnh	828,9m	2017-2019	19.463		19.463	17.000	100	4.000	
2	Hệ thống xử lý nước thải KCN Tịnh Phong (giai đoạn 1)	BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh	Sơn Tịnh	1.000m3/ngày, đêm	2017-2019	47.190		47.190	40.000	100	5.000	
	<b>Ngành Giao thông</b>					<b>3.506.105</b>	<b>1.686.978</b>	<b>874.794</b>	<b>780.000</b>	<b>3.450</b>	<b>184.000</b>	
3	Nâng cấp, mở rộng ĐT.623 (Sơn Hà - Sơn Tây), đoạn Km26-Km27 (nối đến đường Đông Trường Sơn)	BQL Dự án ĐTXD công trình	Sơn Tây	400m; Cấp V, miền núi	2017-2019	25.000		25.000	23.000	100	5.000	

		Giao thông tỉnh											
4	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi-Chợ Chùa	BQL Dự án ĐTXD công trình Giao thông tỉnh	Tur Nghĩa, Nghĩa hành	5km, Cấp III đồng bằng	2017-2021	146.978	136.978	10.000	10.000	300	10.000		
5	Cầu Cửa Đại	BQL Dự án ĐTXD công trình Giao thông tỉnh	TP. Quảng Ngãi	Tổng chiều dài 2,5km	2017-2021	2.250.000	1.500.000	40.000	40.000	1.000	10.000	TMĐT vốn NSĐP 750 tỷ đồng gồm vốn NS tỉnh là 40 tỷ đồng, còn lại 710 tỷ đồng sử dụng vốn khai thác quỹ đất	
6	Đường kè Bắc sông Trà Bồng (đoạn hạ lưu cầu Châu Ô)	UBND huyện Bình Sơn	Bình Sơn	1,2km	2017-2020	72.000		29.000	29.000	100	10.000	Ngân sách tỉnh 40%, phần còn thiếu bố trí từ NS huyện để thực hiện	

7	Tuyến D7 trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới	UBND huyện Sơn Tịnh	Sơn Tịnh	L=0,66m, Bn=20,5m	2017-2020	43.046		30.000	30.000	100	8.000	Ngân sách tỉnh tối đa 30 tỷ đồng, phần còn vốn huyện Sơn Tịnh (ngân sách huyện và khai thác quỹ đất) là 13,046 tỷ đồng
8	Đường nối từ đường Hùng vương đến đường Nguyễn Tự Tân (đoạn qua Đài PTTH tỉnh)	UBND TP Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	Đường phố với chiều dài 266m	2017-2019	7.000		7.000	6.000	100	4.000	
9	Cầu An Phú qua sông Phú Thọ	UBND TP Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	372m	2017-2020	169.000		135.200	115.000		15.000	Ngân sách tỉnh 80%, phần còn thiếu bố trí từ NS thành phố để

												thực hiện
10	Đường Nghĩa Phương - Nghĩa Mỹ	UBND huyện Tư Nghĩa	Tư Nghĩa	1,751km	2017-2020	47.036		47.036	42.000	100	10.000	
11	Đường trục chính phía Tây thị trấn La Hà	UBND huyện Tư Nghĩa	Tư Nghĩa	1,225km	2017-2020	114.000		43.000	43.000	100	10.000	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 38%; phần còn thiếu bố trí từ NS huyện để thực hiện
12	Tuyến đường Đông thị trấn Mộ Đức (Đường nội thị)	UBND huyện Mộ Đức	Mộ Đức	1,32 km	2017-2020	70.000		26.500	26.500	100	7.000	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 38%; phần còn thiếu bố trí từ NS huyện để thực hiện



13	Cầu Hương Long	UBND huyện Nghĩa Hành	Nghĩa Hành	36m	2017-2018	12.000		12.000	10.000	100	4.000	
14	Tuyến đường Võ Trung Thành đến giáp đường tránh Đông (nút 24)	UBND huyện Đức Phổ	Đức Phổ	1.168,9m	2017-2020	49.900		39.900	39.000	100	10.000	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 80%; phần còn thiếu bố trí từ NS huyện để thực hiện.
15	Cầu Bàu Trai	UBND huyện Nghĩa Hành	Nghĩa Hành	36m	2017-2018	15.000		15.000	12.000	100	5.000	
16	Cầu sông Phước Giang (thôn 2 Long Hiệp đi qua)	UBND huyện Minh Long	Minh Long	108m cầu+đường 2 đầu cầu	2017-2020	79.987		60.000	60.000	100	10.000	Vốn huyện Minh Long (ngân sách và khai thác quỹ đất) là 19,987 tỷ đồng
17	Đường Ba Tơ - Ba Trang - Ba Khâm (đoạn Ba Trang - Ba Khâm)	UBND huyện Ba Tơ	Ba Tơ	19,7 km	2017-2020	120.000	50.000	70.000	40.000	300	10.000	

18	Đường Sơn Thủy - Giá Gỏi	UBND huyện Sơn Hà	Sơn Hà	14km	2017-2020	47.200		47.200	42.000	100	10.000	
19	Đường Sơn Liên - Cầu Tà Meo	UBND huyện Sơn Tây	Sơn Tây	6,5km	2017-2019	67.969		67.969	60.000	150	10.000	
20	Đường Trà Tân - Trà Nham	UBND huyện Trà Bồng	Trà Bồng	7,2km	2017-2019	49.989		49.989	45.000	150	10.000	
21	Đường Eo chim - Trà Nham - dốc Bình Minh	UBND huyện Tây Trà	Tây Trà	7,1 km	2017-2019	65.000		65.000	58.000	150	10.000	
22	Tuyến đường số 2 trung tâm huyện lỵ Tây Trà	UBND huyện Tây Trà	Tây Trà	1,5km	2017-2019	40.000		40.000	36.000	100	6.000	
23	Nâng cấp tuyến đường giao thông đến các di tích, danh lam thắng cảnh đảo Lý Sơn	UBND huyện Lý Sơn	Lý Sơn	Chiều dài 1.660 m	2017-2019	15.000		15.000	13.500	100	10.000	
	<b>Ngành Nông nghiệp</b>					<b>478.981</b>	<b>396.581</b>	<b>82.400</b>	<b>65.000</b>	<b>500</b>	<b>40.000</b>	
24	Các tuyến đê huyện Bình Sơn: Đập ngăn mặn Trà Bồng	BQL dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh	Bình Sơn	281,6m	2017-2021	100.000	68.000	32.000	20.000	300	20.000	
25	Các tuyến đê biển huyện Lý Sơn (giai đoạn 1)	BQL dự án ĐTXD các công trình	Lý Sơn	1,779km	2017-2021	338.581	328.581	10.000	10.000		10.000	

		nông nghiệp và PTNT tỉnh										
26	Hệ thống tiêu nước nổi các xã Đức Phong, Đức Minh, Đức Thắng	UBND huyện Mộ Đức	Mộ Đức	22,4 km	2017-2019	35.000		35.000	30.000	100	7.000	
27	Kênh thoát nước chống ngập úng Đồng Lau, Phổ An	UBND huyện Đức Phổ	Đức Phổ	Hệ thống kênh dài 2.312,8 m	2017-2018	5.400		5.400	5.000	100	3.000	
	<b>Ngành Giáo dục</b>					<b>88.474</b>	<b>0</b>	<b>88.474</b>	<b>78.000</b>	<b>600</b>	<b>29.000</b>	
28	Trường GD trẻ khuyết tật - GPMB; XD nhà hiệu bộ, tường rào	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	TP. Quảng Ngãi	711 m2 sàn	2017-2018	8.000		8.000	7.000	100	3.000	
29	Trường THPT số 1 Tư Nghĩa - Cải tạo mở rộng khu hiệu bộ; xây dựng tường rào, cổng ngõ phía Đông.	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Tư Nghĩa	956 m2 sàn	2017-2018	8.000		8.000	7.000	100	3.000	

30	Trường THCS DTNT Tây Trà - Đền bù mở rộng diện tích; xây dựng nhà học bộ môn; nhà công vụ giáo viên 06 phòng.	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Tây Trà	852 m2 sàn	2017-2018	10.000		10.000	9.000	100	5.000	
31	Trường THPT Lê Quý Đôn - Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Bình Sơn	761 m2 sàn	2017-2018	5.693		5.693	5.000	100	3.000	
32	Trường Chính trị tỉnh	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	TP. Quảng Ngãi	Diện tích sàn 6.630m2	2017-2020	56.781		56.781	50.000	200	15.000	
	<b>Ngành Y tế</b>					<b>89.000</b>	<b>0</b>	<b>89.000</b>	<b>77.000</b>	<b>400</b>	<b>20.000</b>	

33	Nâng cấp, sửa chữa BVĐK tỉnh	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	TP. Quảng Ngãi		2017-2020	49.000		49.000	42.000	200	10.000	Thuộc Đề án nâng cấp BVĐK tỉnh lên hạng 1
34	Trụ sở làm việc mới của Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh kết hợp với khu khám, chữa bệnh cho cán bộ thuộc đối tượng 1	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	TP. Quảng Ngãi	Khu hành chính, khám bệnh, phục hồi chức năng; dt đất sử dụng 2.885m <sup>2</sup>	2017-2019	40.000		40.000	35.000	200	10.000	
	<b>Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>					<b>102.000</b>	<b>70.000</b>	<b>32.000</b>	<b>30.000</b>	<b>400</b>	<b>15.000</b>	
35	Trung tâm thông tin triển lãm tỉnh Quảng Ngãi	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	TP Quảng Ngãi	Khối nhà chính 1.500m <sup>2</sup>	2017-2019	22.000		22.000	20.000	100	5.000	

36	Khu du lịch Mỹ Khê	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	TP Quảng Ngãi	Mở rộng đường trục chính 1,7km	2017-2020	80.000	70.000	10.000	10.000	300	10.000	
	<b>Ngành Khoa học Công nghệ</b>					<b>7.500</b>	<b>0</b>	<b>7.500</b>	<b>7.000</b>	<b>100</b>	<b>3.000</b>	
37	Đầu tư cơ sở vật chất trại nghiên cứu thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp (gđ 2)	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Nghĩa Hành		2017-2019	7.500		7.500	7.000	100	3.000	
	<b>Thông tin truyền thông</b>					<b>9.000</b>	<b>0</b>	<b>9.000</b>	<b>8.000</b>	<b>100</b>	<b>4.000</b>	
38	Đầu tư trang thiết bị sản xuất chương trình phát thanh truyền hình cho phóng viên	Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh	TP. Quảng Ngãi	Thiết bị chuyên dụng: camera, dụng hình,..	2017-2019	9.000		9.000	8.000	100	4.000	
	<b>Ngành công nghệ thông tin</b>					<b>14.000</b>	<b>0</b>	<b>14.000</b>	<b>12.000</b>	<b>100</b>	<b>5.000</b>	

39	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020 (giai đoạn 1)	VP Tỉnh ủy	Toàn tỉnh	Đầu tư các hạng mục: trung tâm dữ liệu, thiết bị mạng, máy chủ..	2017-2018	14.000	-	14.000	12.000	100	5.000	
	<b>Ngành xã hội</b>					<b>50.000</b>	<b>0</b>	<b>50.000</b>	<b>45.000</b>	<b>100</b>	<b>8.000</b>	
40	Nghĩa địa tập trung huyện Lý Sơn	UBND huyện Lý Sơn	Lý Sơn	DT 4,0 ha: san nền, đường giao thông, thoát nước	2017-2020	50.000		50.000	45.000	100	8.000	
	<b>Ngành quản lý nhà nước</b>					<b>34.939</b>	<b>0</b>	<b>34.939</b>	<b>33.000</b>	<b>300</b>	<b>18.000</b>	
41	Cải tạo nhà làm việc Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh	Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh	TP. Quảng Ngãi		2017-2018	4.939		4.939	6.000	100	3.000	
42	Trung tâm dịch vụ hành chính công (sửa chữa nhà khách UBND tỉnh)	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	TP. Quảng Ngãi		2017-2018	15.000		15.000	13.000	100	10.000	
43	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn II - thiết bị)	Sở Nội vụ	TP. Quảng Ngãi	Thiết bị lưu trữ và bảo quản tài liệu	2017-2019	15.000		15.000	14.000	100	5.000	
	<b>Ngành quốc phòng an ninh</b>					<b>52.740</b>	<b>0</b>	<b>52.740</b>	<b>47.000</b>	<b>300</b>	<b>18.000</b>	

44	NLV CA thị trấn chính qui (7 thị trấn)	Công an tỉnh	các huyện	Diện tích sàn mỗi NLV từ 393-420 m2	2017-2020	28.000		28.000	26.000	100	10.000	
45	Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục tại cơ quan Bộ chỉ huy BDBP tỉnh	BCH Biên phòng tỉnh	TP. Quảng Ngãi	1258 m2	2017-2018	19.740		19.740	17.000	100	5.000	
46	Doanh trại trung đội vận tải thủy bộ	BCHQS tỉnh	TP. Quảng Ngãi	300m2	2017-2018	5.000		5.000	4.000	100	3.000	

Ghi chú: Chỉ giao vốn thực hiện khởi công mới đối với các dự án đã đảm bảo thủ tục, hồ sơ theo quy định của pháp luật.



**Phụ lục 5****KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 2017****Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương (từ nguồn thu xổ số kiến thiết)***(Kèm theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)**Đơn vị: Triệu đồng*

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến 2016	Kế hoạch 2017	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó				
								NSTW	NSDP (NS tỉnh)			
	<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>628.749</b>	<b>248.500</b>	<b>380.249</b>	<b>224.000</b>	<b>80.000</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2017</b>						<b>614.534</b>	<b>248.500</b>	<b>366.034</b>	<b>223.700</b>	<b>70.000</b>	
	<b>Ngành Giáo dục đào tạo</b>						<b>44.577</b>	<b>0</b>	<b>44.577</b>	<b>40.500</b>	<b>2.500</b>	
1	Trường THPT Lương Thế Vinh, Đức Phổ	UBND huyện Đức Phổ	Đức Phổ	45 lớp, 2.000 học sinh; 6135m2 sàn	2013-2017	92/QĐ-UBND, 16/01/2012	44.577		44.577	40.500	2.500	
	<b>Ngành Y tế</b>						<b>569.957</b>	<b>248.500</b>	<b>321.457</b>	<b>183.200</b>	<b>67.500</b>	
2	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi	BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	TP. Quảng Ngãi	300 giường	2014-2018	1611/QĐ-UBND, 25/10/2012	497.000	248.500	248.500	125.800	53.500	

3	Xây dựng các Trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Sở Y tế	Các huyện/thành phố		2014-2016		72.957		72.957	57.400	14.000	
<b>II</b>	<b>Dự án Khởi công mới năm 2017</b>						<b>14.215</b>	<b>0</b>	<b>14.215</b>	<b>300</b>	<b>10.000</b>	
	<b>Ngành Giáo dục đào tạo</b>						<b>14.215</b>	<b>0</b>	<b>14.215</b>	<b>300</b>	<b>10.000</b>	
4	Trường THCS DTNT Ba Tơ - 06 phòng ở học sinh và thư viện	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Ba Tơ	350 m2 sàn	2017		3.500		3.500	100	3.000	
5	Trường THCS THPT Phạm Kiệt - Nhà lớp học 6 phòng tầng	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Sơn Hà	480 m2 sàn	2017		3.500		3.500	100	3.000	
6	Trường THPT Chu Văn An - Nhà lớp học 10 phòng 2 tầng	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và	Tur Nghĩa	966 m2 sàn	2017-2018		7.215		7.215	100	4.000	

		công nghiệp tinh										

**Ghi chú:** Bố trí kế hoạch vốn bằng 90% tổng mức đầu tư được duyệt theo hướng dẫn tại Công văn số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chỉ giao vốn thực hiện khởi công mới đối với các dự án đã đảm bảo thủ tục, hồ sơ theo quy định của pháp luật.

## Phụ lục 6

### KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017

**Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương (từ nguồn thu tiền sử dụng đất)**

*(Kèm theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư			
	<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>2.825.530</b>	<b>1.656.400</b>	<b>550.000</b>	
<b>I</b>	<b>VỐN DO TỈNH QUẢN LÝ</b>						<b>2.825.530</b>	<b>1.656.400</b>	<b>270.000</b>	
<b>a</b>	<b>Bố trí thực hiện dự án khai thác quỹ đất</b>						<b>2.825.530</b>	<b>1.656.400</b>	<b>210.000</b>	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>						<b>1.951.982</b>	<b>946.400</b>	<b>145.000</b>	
1	Khu dân cư Yên Phú	Sở Tài nguyên - Môi trường	TP. Quảng Ngãi	65.885m2	2014-2016	832/QĐ-UBND, 10/6/2011; 1077/QĐ-UBND, 30/6/2015	641.777	26.000	10.000	
2	Khu dân cư Tịnh Kỳ	Sở Tài nguyên Môi trường	TP. Quảng Ngãi	7,5ha	2016-2020		102.000	100.000	30.000	

3	Khu dân cư trục đường Bà Giang - Cầu Mới	Công ty TNHH MTV ĐTXD và KDDV Quảng Ngãi (QISC)	TP. Quảng Ngãi	2.227m <sup>2</sup>		932/QĐ-UBND, 20/6/2012; 1077/QĐ-UBND, 30/6/2015	641.777	354.900	40.000	
4	Đường Chu Văn An và khu dân cư (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Hai Bà Trưng)	Công ty TNHH MTV ĐTXD và KDDV Quảng Ngãi (QISC)	TP. Quảng Ngãi	san nền 5,43ha và 876m đường	2016-2020	505/QĐ-UBND 31/3/2016	319.891	284.400	35.000	
5	KDC phía Nam đường Hai Bà Trưng, thành phố Quảng Ngãi (giai đoạn 1)	Công ty TNHH MTV ĐTXD và KDDV Quảng Ngãi (QISC)	TP. Quảng Ngãi		2016-2018		246.537	181.100	30.000	
*	<b>Dự án dự kiến khởi công mới năm 2017</b>						<b>873.548</b>	<b>710.000</b>	<b>65.000</b>	
6	Hệ thống điện chiếu sáng đoạn km1027-km1045+780 và cây xanh tại nút giao thông dốc sỏi thuộc tuyến QL1A, tỉnh Quảng Ngãi	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh	Bình Sơn	Đầu tư mới đường dây từ km1027-km1045+780 và các nút cây xanh	2017-2018		45.000	40.000	20.000	
7	Khu dân cư Kỳ Xuyên, thành phố Quảng Ngãi	Sở Tài nguyên Môi trường	TP. Quảng Ngãi	24ha	2017-2020		480.000	400.000	3.000	
8	Khu dân cư Tịnh Kỳ giai đoạn 2	Sở Tài nguyên Môi trường	TP. Quảng Ngãi	1,95ha	2017-2020		40.000	40.000	7.000	

9	Khu dân cư phía Bắc Đường Huỳnh Thúc Kháng	Công ty TNHH MTV ĐTXD và KDDV Quảng Ngãi (QISC)	TP. Quảng Ngãi	10,4 ha	2017-2019		167.000	130.000	5.000	
10	Kè và Khu dân cư nam sông Vệ	Công ty TNHH MTV ĐTXD và KDDV Quảng Ngãi (QISC)	Mộ Đức	19,97 ha	2017-2019		141.548	100.000	30.000	
<b>b</b>	<b>Bố trí thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền SDD</b>								<b>60.000</b>	
<b>II</b>	<b>GIAO HUYỆN, THÀNH PHỐ THU - CHI</b>								<b>280.000</b>	

*Ghi chú: Chỉ giao vốn thực hiện khởi công mới đối với các dự án đã đảm bảo thủ tục, hồ sơ theo quy định của pháp luật.*